Thiết kế dữ liệu <Tên đề tài>

Version <x.y>

Sinh viên thực hiện:

<MSSV1 – Họ và tên sinh viên>

[<MSSV2 – Họ và tên sinh viên>]

[<MSSV3 – Họ và tên sinh viên>]

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

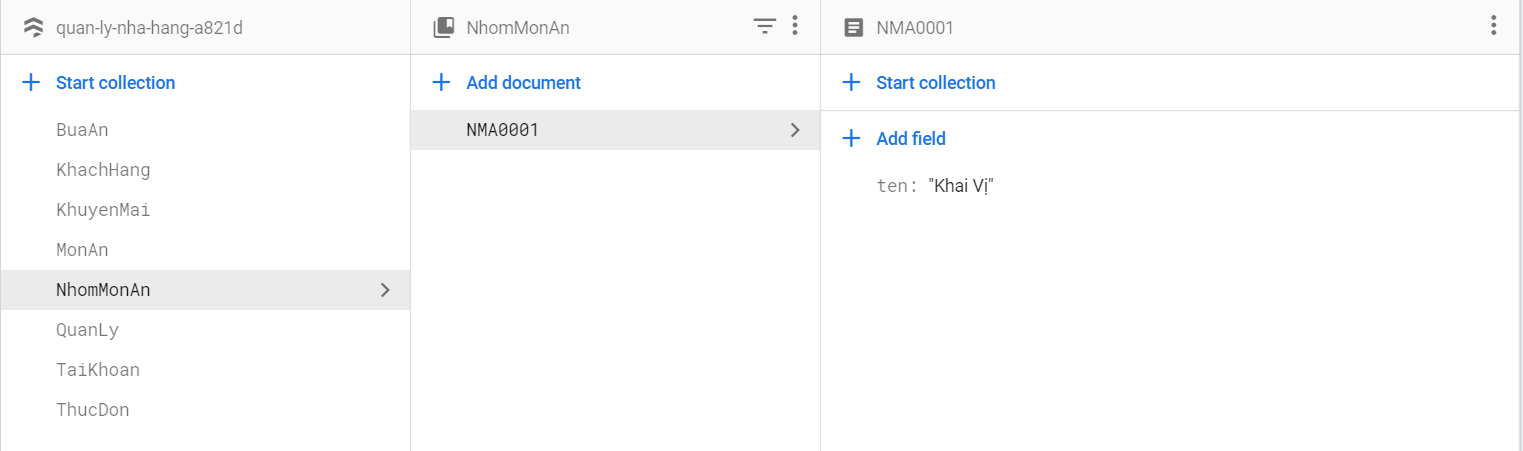
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| <dd/mm/yyyy> | <x.y> | <mô tả phiên bản tài liệu> | < người thực hiện> |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ logic 3](#_Toc369451398)

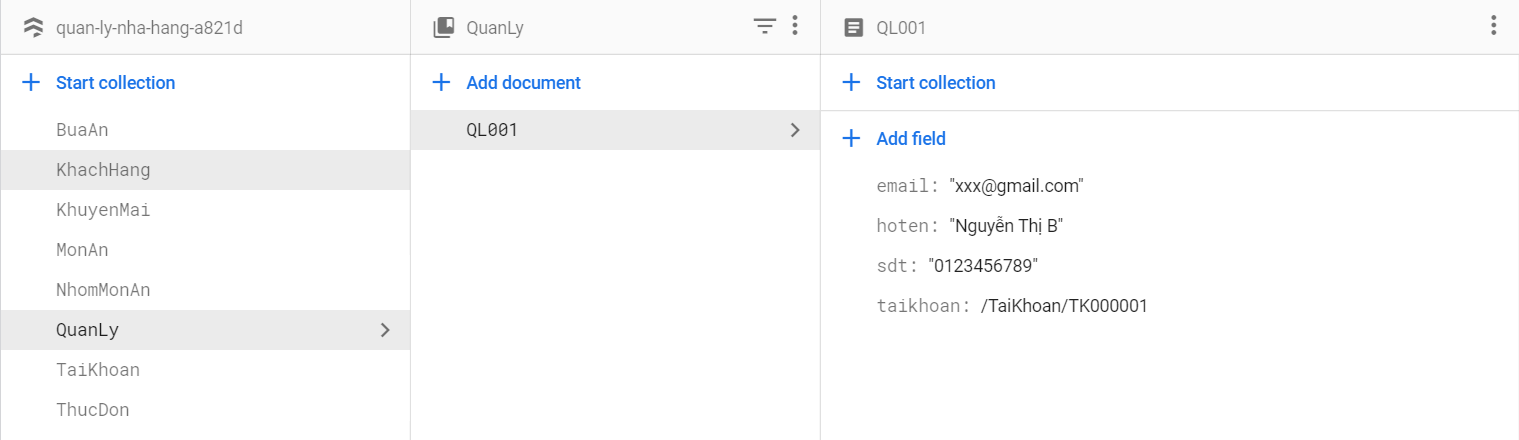
[2. Mô tả chi tiết các kiểu dữ liệu trong sơ đồ logic 3](#_Toc369451399)

# Collection “NhomMonAn”:



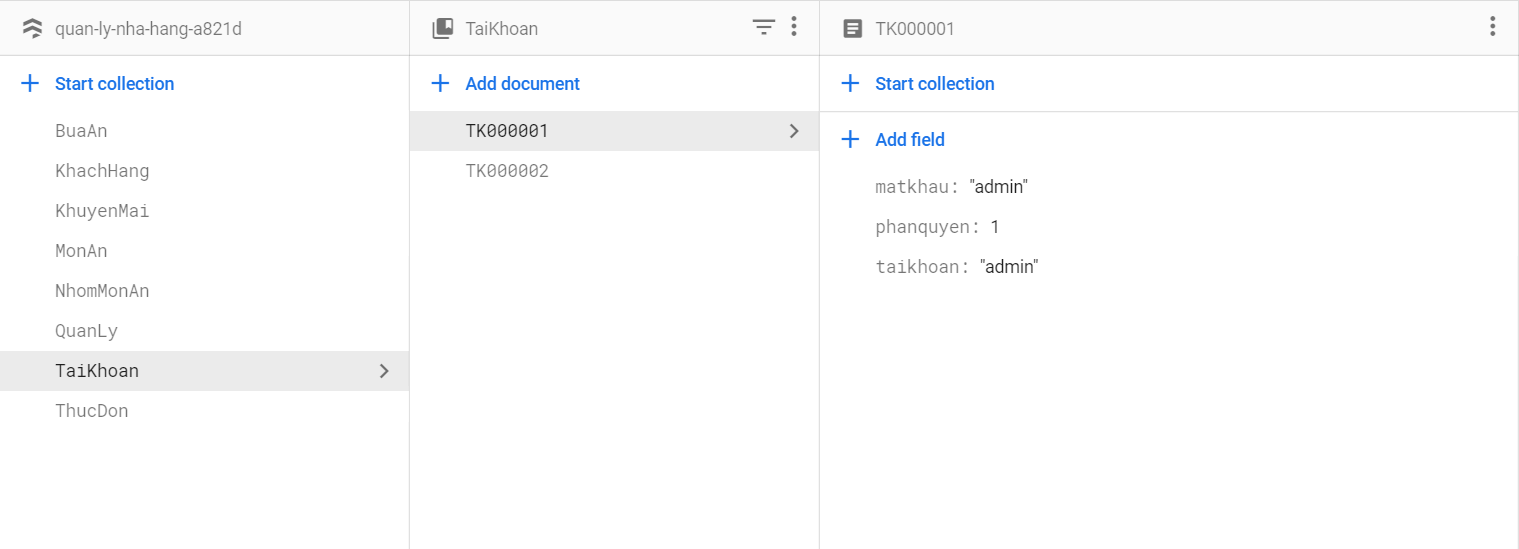
* Nhóm món ăn lưu thông tin về các loại món ăn.
* Mỗi nhóm thức ăn được lưu lại bởi 1 document có định dạng: NMA{mã nhóm}
* Mỗi document lưu:
  + ten: (String) Tên loại nhóm món ăn.

# Collection “QuanLy”:



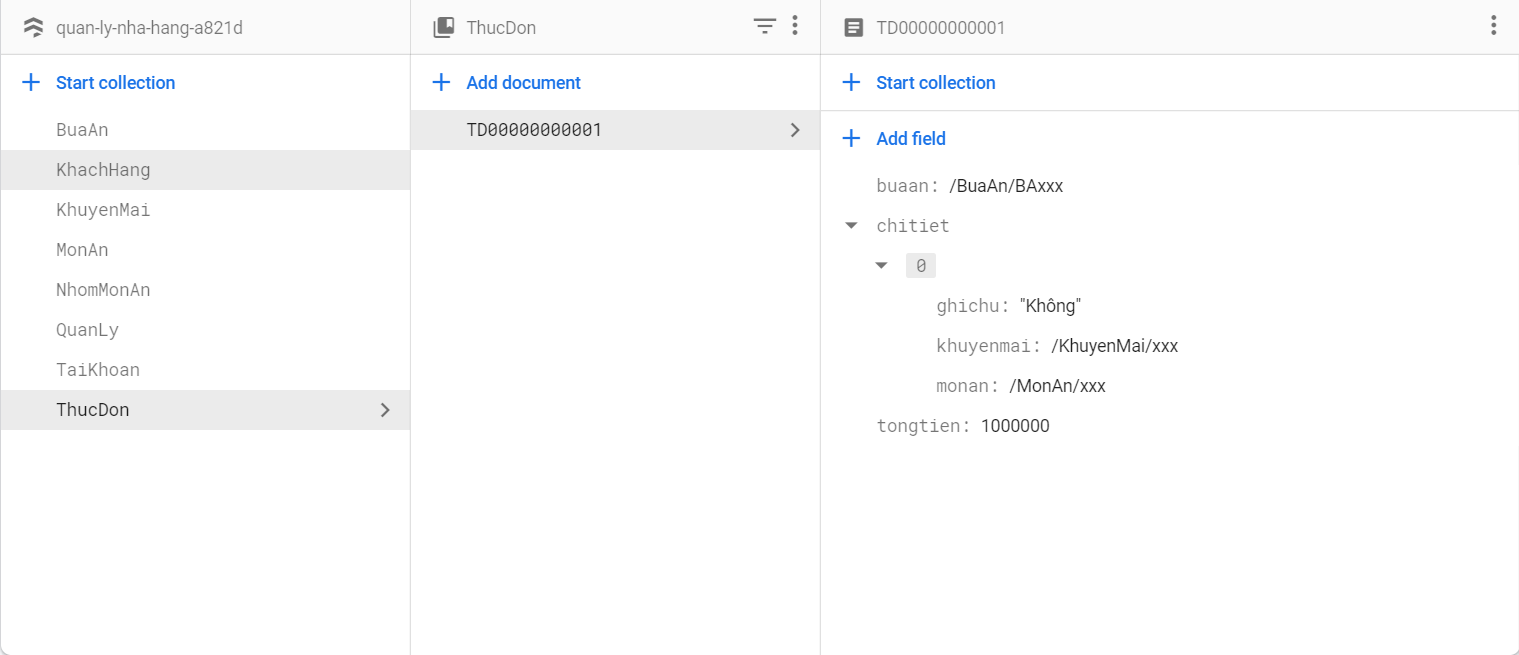
* QuanLy lưu thông tin về người quản lý.
* Mỗi người quản lý được lưu trong một document có định dạng: QL{mã quản lý}
* Mỗi document lưu:
  + hoten: (String) Tên người quản lý.
  + email: (String) Email người quản lý.
  + sdt: (String) Số điện thoại người quản lý.
  + taikhoan: (Reference) Đường dẫn đến tài khoản người quản lý đó sử dụng.

# Collection “TaiKhoan”:



* TaiKhoan lưu thông tin về tất cả tài khoản sử dụng trong hệ thống.
* Mỗi tài khoản được lưu bởi một document với định dạng: TK{mã tài khoản}
* Mỗi document lưu:
  + taikhoan: (String) Tên tài khoản, mỗi tài khoản có tên tài khoản phân biệt.
  + matkhau: (String) Mật khẩu dùng cho tài khoản. (Hiện tại chưa xác định được mã hash phù hợp với ứng dụng, trong tương lai mật khẩu được hash trước khi gửi lên cơ sở dữ liệu).
  + phanquyen: (number) Quyền truy cập của người dùng hệ thống. Số 1 tượng trưng quyền admin (người quản lý), số 2 tượng trưng quyền người dùng (khách hàng).

# Collection “ThucDon”:

**

* Thực đơn lưu thông tin về tất cả thực đơn đã từng tạo trong hệ thống.
* Mỗi thực đơn được lưu bởi một document với định dạng: TD{mã tài khoản}
* Mỗi document lưu:
  + buaan: (Reference) Đường dẫn tới bữa ăn sử dụng thực đơn này.
  + chitiet: (Array) Lưu thông tin về từng món ăn trong thực đơn, mỗi món ăn bao gồm:
    - monan: (Reference) Đường dẫn tới món ăn sử dụng trong thực đơn.
    - ghichu: (String) Ghi chú mà khách hàng đính kèm món ăn trong lúc chọn món ăn cho thực đơn.
    - khuyenmai: (Reference) Đường dẫn tới chương trình khuyến mãi áp dụng cho món ăn này.
  + tongtien: (Number) Tổng số tiền dự tính khách hàng phải trả cho thực đơn này.